

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 05-Phòng Thông gió và thoát nước mỏ
Tháng 2 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXX	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN 2021	Phí ở chung cư	Tiền ăn DV			
1	01	Tổ quản lý			47		36.542.000	4	1.645.692	12	4.765.692		42.953.384	2.478.300	464.800	309.900	389.000	165.000	-1.155.877	388.333	208.000	3.247.456	39.705.928	
1	HL-01395	Cù Như Quỳnh	Trưởng phòng	10.697.000	14	A	13.530.000	4	1.645.692	4	1.645.692		16.821.384	855.800	160.500	107.000	149.000	55.000	-557.166	388.333	208.000	1.366.467	15.454.917	
2	HL-03588	Nguyễn Bá Dũng	Phó phòng	10.483.000	14	A	11.506.000			4	1.612.769		13.118.769	838.700	157.300	104.900	120.200	55.000				1.276.100	11.842.669	
3	HL-06668	Trần Tùng Bách	Phó phòng	9.797.000	19	A	11.506.000			4	1.507.231		13.013.231	783.800	147.000	98.000	119.800	55.000	-598.711			604.889	12.408.342	
2	08	Tổ chuyên viên			114		51.678.000			24	6.055.539	73.391	57.806.930	3.149.300	590.700	393.800	536.800	330.000				5.000.600	52.806.330	
4	HL-00085	Phạm Văn Cần	Chuyên viên	8.323.000	19	A	11.506.000			4	1.280.462		12.786.462	665.900	124.900	83.300	119.100	55.000				1.048.200	11.738.262	
5	HL-04263	Nguyễn Quốc Tuấn	Chuyên viên	5.609.000	19	A	8.433.000			4	862.923		9.295.923	448.800	84.200	56.100	87.100	55.000				731.200	8.564.723	
6	HL-00086	Lê Văn Phụng	Chuyên viên	6.818.000	19	A	8.433.000			4	1.048.923		9.481.923	545.500	102.300	68.200	87.700	55.000				858.700	8.623.223	
7	HL-00174	Vũ Ngọc Thanh Cường	Chuyên viên	6.818.000	19	A	7.436.000			4	1.048.923		8.484.923	545.500	102.300	68.200	77.700	55.000				848.700	7.636.223	
8	HL-00977	Lê Ngọc Cường	Chuyên viên	5.609.000	19	A	8.433.000			4	862.923		9.295.923	448.800	84.200	56.100	87.100	55.000				731.200	8.564.723	
9	HL-00321	Phạm Thị Thanh	Chuyên viên	6.184.000	19	A	7.437.000			4	951.385	73.391	8.461.776	494.800	92.800	61.900	78.100	55.000				782.600	7.679.176	
Tổng cộng					161		88.220.000	4	1.645.692	36	10.821.231	73.391	100.760.314	5.627.600	1.055.500	703.700	925.800	495.000	-1.155.877	388.333	208.000	8.248.056	92.512.258	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2022
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCNS

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng